TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Trường

2. Bà Nguyễn Thị Bình;

-***Thư ký phiên tòa:***Nguyễn Thị Kim Hà-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 551/2023/TLST-HNGĐ, ngày 8/12/2023, về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc D, sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Số 332 THD, khu phố 9, thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung L, sinh 1976. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 255 THD, thôn 6, xã DT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/11/2023, cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc D trình bày: Bà Nguyễn Thị Trúc D và ông Nguyễn Trung L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2003, tại UBND thị trấn ĐT, huyện ĐL. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình; năm 2009 ông L mua xe tải về làm ăn dẫn đến nợ nần và phải bán nhà trả nợ, nên tình cảm vợ chồng không còn; bà D và ông L đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Do hôn nhân không còn hạnh phúc, bà D xin ly hôn. Bà D và ông L có 03 con chung: Nguyễn Đức Q, sinh năm 2003, hiện đang học đại học; Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 09/01/2009, đang học lớp 9 và Nguyễn Ngọc Trúc Q2, sinh ngày 29/9/2010, đang học lớp 8. Nếu ly hôn bà D yêu cầu nuôi 02 con Nguyễn Văn Q1 và Nguyễn Ngọc Trúc Q2, vì Q1 và Q2 sống chung với bà D kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Về cấp dưỡng nuôi con bà D không yêu cầu. Về tài sản chung các đương sự không tranh chấp, vì đã bán nhà để trả nợ.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Trung L trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn và con chung thống nhất như bà D trình bày. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẩn là về tài chính, vào năm 2009 ông L mua xe tải về làm ăn và bị thua lỗ, nợ nần và sống ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân ông L là người theo đạo Thiên chúa giáo, nên ông L không thể ký vào biên bản thuận tình ly hôn được. Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Các con ông L đồng ý giao cho bà D nuôi, nhưng bà D phải tạo điều kiện cho các con về thăm ba và ông, bà bên nội.

Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh cho thấy vợ chồng bà D ông L mâu thuẩn là do nợ nần và phải bán nhà trả nợ. Khi ly thân bà D dẫn theo các con thuê nhà ở riêng, mấy năm nay mẹ, con bà D về sinh sống trong nhà của cha, mẹ bà D và làm nghề buôn bán, có đủ kinh tế để lo cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao 02 con cho nguyên đơn nuôi là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về hôn nhân:* Bà D và ông L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐT, huyện ĐL vào năm 2003. Trong cuộc sống giữa bà D và ông L phát sinh mâu thuẫn từ công việc làm ăn thua lỗ, dẫn đến bị nợ nần, sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hơn 13 năm qua, hai bên

cũng không có động thái hàn gắn để trở lại đoàn tụ với nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tranh chấp nuôi con: Bà D và ông L có 03 người con, cháu lớn đã trên 18 tuổi, nên Tòa án không phải xem xét việc giao cho ai nuôi dưỡng. Riêng 02 cháu Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 09/01/2009 và Nguyễn Ngọc Trúc Q2, sinh ngày 29/9/2010 hiện sống cùng bà D trong hơn 13 năm qua; bản thân bà D vẫn lo cho các cháu ăn học chu toàn, nên cần tiếp tục để bà D nuôi 02 cháu là phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu và phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố: Bà Nguyễn Thị Trúc D ly hôn ông Nguyễn Trung L.

2. Về nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Thị Trúc D trực tiếp nuôi 02 con: Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 09/01/2009 và Nguyễn Ngọc Trúc Q2, sinh ngày 29/9/2010. Ông Nguyễn Trung L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004029 ngày 8/12/2023. Bà D đã nộp đủ án phí.

4.Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/01/2024), bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Đương sự;
-Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thái